

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/DS-PT

Ngày: 15/01/2025

V/v “Bồi thường thiệt hại về tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thuý Linh

Các Thẩm phán: Bà Giang Thị Cẩm Thuý

Ông Trương Thanh Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Công Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 157/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp “Bồi thường thiệt hại về tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 135/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 167/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 173/2024/QĐ-PT ngày 24/12/2024 giữa các đương sự:

* Đồng nguyên đơn: Ông Phan Trọng N, sinh năm 1994 và bà Nguyễn Hồng C, sinh năm 1995

Cùng địa chỉ: Khóm 5, phường H, thị xã G, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N và bà C:

1/ Ông Sơn Chúc P, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 5, phường H, thị xã G, tỉnh B

2/ Ông Nguyễn Huỳnh Đ, sinh năm 1999 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Bào H, xã Quách P, huyện Đ, tỉnh C

* Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm 5, phường H, thị xã G, tỉnh B

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1982.(Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 5, phường 1, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn ông Phan Trọng N và bà Nguyễn Hồng C là ông Sơn Chúc P trình bày: Vào khoảng cuối năm 2022, nguyên đơn có thuê ông Nguyễn Văn H xây dựng quán kinh doanh ăn uống và nhậu, sàn xi măng, bê tông, trên là tấm bạt, kết cấu nhà tiền chế. Khi thuê thỏa thuận bằng miệng, giá thuê trọn gói 200.000.000 đồng, thời gian bảo hành 12 tháng kể từ ngày hoàn thành, ông N đã thanh toán cho ông H 180.000.000 đồng. Tổng diện tích công trình 300m², không có đăng ký giấy phép xây dựng, thời hạn hoàn thành đúng 30 ngày, nguyên đơn đã đưa đủ tiền cho bị đơn. Gần 6 tháng sau khi hoàn thành thì nước mưa ứ đọng một phần diện tích trên mái hiên, tấm bạt ngang 9,2m và dài 6m. Nguyên đơn có báo cho bị đơn, thì ngày 18/06/2023 bị đơn có cử người đến sửa chữa, trong quá trình sửa chữa dẫn đến sàn bị sập hoàn toàn ngay lúc đó (có ghi lại hình ảnh). Sau đó, nguyên đơn có liên hệ bị đơn khắc phục lại nhưng bị từ chối dẫn đến việc cơ sở kinh doanh ngừng hoạt động từ ngày 18/06/2023 đến ngày 24/07/2023. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường tiền mất thu nhập từ ngày 18/06/2023 đến 24/07/2023 là 36.000.000 đồng, tiền thuê quyền sử dụng đất 10.000.000 đồng/tháng, tiền tháo dỡ 10.000.000 đồng, tiền công sửa lại 15.000.000 đồng; tiền sửa đường dây điện 8.000.000 đồng và tiền kết nối dây điện mới là 7.806.000 đồng; tiền sửa la phong 7.518.000 đồng; tiền sắt là 19.296.000 đồng; tiền thạch cao là 3.024.000đồng. Tổng số tiền yêu cầu bị đơn bồi thường là 116.644.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông H có nhận lãnh công trình của vợ chồng ông Phan Trọng N, bà Nguyễn Hồng C, khi thỏa thuận chỉ bằng miệng không có làm hợp đồng, không có thỏa thuận việc bảo hành và bảo trì. Ông làm theo bản vẽ và thiết kế của ông N, khi ông N báo nước đọng thì do tình nghĩa nên ông mới qua sửa chữa. Ông chỉ thi công, làm công cho ông N theo yêu cầu của ông N, vật tư là ông N mua nên ông không biết về chất lượng của vật tư. Ông N kêu người khác sửa chữa mà ông không hay biết, ông không biết việc thay đổi kết cấu, mở rộng thêm và thay đổi chất lượng vật tư. Ông xác định việc hư hỏng không phải lỗi của ông, hoàn thành công việc đã hơn 06 tháng rồi mới hư hỏng do mưa lớn. Việc nhân viên của ông nhúng một đầu mái hiên là để cho nước chảy ra, nhưng hôm đó trời mưa rất lớn, lượng nước đè nặng xuống tường làm sập. Từ vị trí người nhúng cho đến vị trí sập cách nhau 4m nên việc sập không do người nhúng mà do nước mưa đọng quá nhiều. Nên ông không đồng ý yêu cầu của ông N và bà C. Việc ông N nói trả cho ông

200.000.000 đồng thì không đúng, ông N còn thiếu ông 20.000.000 đồng. Khi bàn giao thì không có việc đọng nước, khoản 20 ngày sau thì nghe nói kéo tấm bạc bị nặng, ông có đến kiểm tra giúp thì do dây dù bản tròn lớn nên bị nặng, khó kéo. Diện tích tấm bạc quá lớn 120m² cộng với mưa lớn nên nước đọng quá nhiều. Ông H không đồng ý đối với yêu cầu của ông N và bà C.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Minh L trình bày: Gần tết năm 2022, ông và ông H có lãnh công trình của vợ chồng ông N, bà C. Ông và ông H làm thợ chính và có rủ thêm một số anh em khác làm thợ phụ, các bên không có làm hợp đồng, không có thỏa thuận cụ thể, không có thỏa thuận về việc bảo hành và bảo trì. Ông và ông H làm theo thiết kế của ông N, khi ông N báo nước đọng thì ông không có tham gia sửa chữa. Mái bạc, khung thép và nền không phải do ông và ông H phụ trách. Ông và ông H chỉ thi công nhà tiền chế, lợp mái cho ông N. Vật tư là do ông N mua nên ông không biết chất lượng như thế nào. Ông không biết việc ông N thuê người khác sửa chữa, không biết ông N có thay đổi vật tư, kết cấu, mở rộng thêm so với xây dựng ban đầu hay không. Ông L xác định việc hư hỏng không do lỗi của ông và ông H, công việc hoàn thành đã hơn 6 tháng rồi mới hư hỏng do trời mưa lớn. Yêu cầu tòa án bác đơn khởi kiện của ông N và bà C.

Từ nội dung trên, Bản án số 135/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Trọng N, bà Nguyễn Hồng C về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản.

Buộc ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm bồi thường thiệt hại tài sản cho ông Phan Trọng N, bà Nguyễn Hồng C là 20.362.500đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của Phan Trọng N, bà Nguyễn Hồng C về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 96.281.500đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14 tháng 10 năm 2024, ông Phan Trọng N và bà Nguyễn Hồng C kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét huỷ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N và bà C đối với ông H. Do cấp sơ thẩm đưa thiếu người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan như ông Lê Văn Kiệt, là người bán và sửa chữa la phong, cửa hàng Ba Kiệt là nơi mua sắt, cửa hàng Nguyễn Vương là nơi mua thạch cao. Cấp sơ thẩm không xem xét khoản mất thu nhập thực tế do phải ngừng hoạt động là 36.000.000đồng và tiền thuê quyền sử dụng đất để kinh doanh là 10.000.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Phan Trọng N và bà Nguyễn Hồng C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và có đơn xin xét xử vắng mặt..

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 135/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Về án phí dân sự phúc thẩm ông N và bà C phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Phan Trọng N và bà Nguyễn Hồng C về hình thức và nội dung được thực hiện đúng quy định và được nộp trong thời hạn luật định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Phan Trọng N và bà Nguyễn Hồng C thấy rằng giữa ông N, bà C và ông Nguyễn Văn H vào cuối năm 2022 thì giữa hai bên có thoả thuận với nhau về việc xây dựng công trình quán kinh doanh ăn uống. Phía ông H là người thực hiện việc xây dựng theo yêu cầu của ông N và bà C. Tuy việc thoả thuận giữa hai bên không có giấy tờ nhưng phía ông H thừa nhận sau khi hoàn thành công trình xong khoảng 6 tháng thì đến ngày 18/6/2023 phía ông N gọi điện cho ông H báo là tấm bạt máy che của quán bị động nước do trời mưa nước bị ú đọng, từ đó nên ông H có cử người đến để khắc phục và xảy ra thiệt hại. Sau khi thiệt hại xảy ra trong quá trình khắc phục hậu quả sửa chữa lại quán thì phía ông N, bà C tự mua vật tư, kêu thợ sửa chữa và có yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ bồi thường tổng các khoản chi phí với số tiền là 116.644.000 đồng. Tuy nhiên ông N và bà C không chứng minh diện tích bị thiệt hại là bao nhiêu, chỉ cung cấp cho Tòa án vi bằng số 895/2023/VB-TPL ngày 27/6/2023, tại các trang 28, 29, 30 của vi bằng trên hình ảnh thể hiện có một người đứng trên

tám bạc, sau đó có một đoạn tám bạc bị thủng xuống nhưng không thể hiện cụ thể diện tích bị thiệt hại và thiệt hại cụ thể gồm các tài sản gì. Tuy nhiên phía ông H thừa nhận thiệt hại do phía ông H gây ra có diện tích chiều ngang 4,8m, chiều dài 6,9m; tổng diện tích thiệt hại là 33,12m². Do đó cấp sơ thẩm căn cứ vào sự thừa nhận của phía bị đơn để xem xét các khoản chi phí bồi thường thiệt hại cho ông N, bà C là hoàn toàn phù hợp.

Đối với khoản tiền yêu cầu bồi thường về tiền thuê mặt bằng kinh doanh 10.000.000đồng đã được cấp sơ thẩm xem xét giải quyết chấp nhận một phần với số tiền là 3.333.000đồng. Tuy ông N, bà C có yêu cầu bồi thường nhưng không chứng minh được số ngày ngừng hoạt động của quán. Tại biên bản ghi lời khai ngày 20/9/2024 của ông Bùi Đình Nhuận là người trực tiếp tháo dỡ và xây dựng sửa lại quán cho ông N, bà C đã xác định thời gian sửa chữa lại quán cho ông N và bà C là 10 ngày đã hoàn thành nên không có căn cứ để chấp nhận số tiền bồi thường 10.000.000đồng. Do đó chỉ có căn cứ chấp nhận số tiền thuê mặt bằng 10 ngày là 3.333.000 đồng (theo hợp đồng thuê đất ngày 24/11/2022 giá thuê là 10.000.000đồng/tháng).

Riêng đối với số tiền yêu cầu bồi thường 36.000.000đồng do quán ngừng hoạt động, phía nguyên đơn có cung cấp các báo cáo chốt ca trong đó chỉ thể hiện ngày quán bán được bao nhiêu khách hàng và tổng số tiền thu trong ngày. Tuy nhiên phía ông N, bà C không thể hiện trong ngày doanh thu của quán được số tiền là bao nhiêu sau khi trừ đi các khoản chi phí và số tiền lợi nhuận của quán trong ngày là bao nhiêu. Đồng thời trong quá trình xét xử phúc thẩm thì nguyên đơn cũng không cấp thêm chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó không có căn cứ để xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền mất thu nhập 36.000.000đồng.

Đối với ý kiến của nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đưa thiếu những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là những người bán vật tư, vật liệu, dụng cụ khi ông N, bà C liên hệ mua để sửa chữa quán. Xét thấy trong vụ án này họ không có quyền lợi và nghĩa vụ gì nên cấp sơ thẩm không đưa tham gia tố tụng là đúng quy định.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Trọng N và bà Nguyễn Hồng C; có căn cứ chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 135/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Phan Trọng N và bà Nguyễn Hồng C không được chấp nhận nên ông N và bà C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Trọng N và bà Nguyễn Hồng C. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 135/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 6 Điều 26, Điều 35, Điều 39, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ khoản 3 điều 26 của Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Trọng N, bà Nguyễn Hồng C về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản.

Buộc ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm bồi thường thiệt hại tài sản cho ông Phan Trọng N, bà Nguyễn Hồng C là 20.362.500đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của Phan Trọng N, bà Nguyễn Hồng C về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 96.281.500đồng.

2/ Về án phí dân sự có giá ngạch: Ông Phan Trọng N, bà Nguyễn Hồng C cùng chịu là 4.814.000đồng, ông N và bà C đã dự nộp số tiền 2.916.000đồng theo biên lai thu số 0008089 ngày 16/10/2023 được chuyển thu án phí số tiền đã nộp 2.916.000đồng, ông N và bà C còn phải tiếp tục nộp 1.898.000đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Ông Nguyễn Văn H phải nộp án phí 1.018.000đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Trọng N, bà Nguyễn Hồng C mỗi người phải chịu 300.000đồng; ông N và bà C đã dự nộp tại các biên lai thu số 0009256, 0009255 ngày 14/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai được chuyển thu án phí.

3/ Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn H phải nộp 450.000đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu để hoàn lại cho ông N và bà C.

4/ Các phần khác của bản án số 135/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

6/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thị xã Giá Rai;
- CCTHADS thị xã Giá Rai;
- Đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ THỊ THUÝ LINH

